



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG HÀ NỘI
HANOI URBAN PLANNING INSTITUTE - HUPI

**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
PHÂN KHU ĐÔ THỊ H2-2, TỶ LỆ 1/2000**

ĐỊA ĐIỂM:

**Quận Đống Đa; Quận Cầu Giấy; Quận Thanh Xuân;
Quận Hà Đông; Huyện Từ Liêm – Hà Nội**

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2012

Số:...../VQH-TT2

Hà Nội, ngày tháng năm 2012

NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

PHÂN KHU ĐÔ THỊ H2-2, TỶ LỆ 1/2000

Địa điểm: Quận Đống Đa; Quận Cầu Giấy; Quận Thanh Xuân;
Quận Hà Đông; Huyện Từ Liêm– Hà Nội.

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

1.1. Lý do lập quy hoạch:

Theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011, phân khu đô thị ký hiệu H2-2 nằm trong khu vực nội đô mở rộng (từ Vành đai 2 đến Vành đai xanh sông Nhuệ), là một trong 4 phân khu đô thị phía Tây và phía Nam đường Vành đai 2 có vai trò là các trung tâm văn hóa, hành chính, TDTT, tổ chức sự kiện, dịch vụ - thương mại, triền lâm quốc gia, du lịch, giải trí, công viên ...v.v có chất lượng cao, là khu vực phát triển các khu đô thị mới có kiến trúc hiện đại đồng thời là khu vực để giảm tải cho khu vực nội đô lịch sử, giải quyết các vấn đề tồn tại trong khu vực nội đô như di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp, các cơ sở trường đại học, cao đẳng, cải tạo các khu nhà ở cũ, xây dựng các khu đô thị và hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ.... Ngoài ra, trước đây đã có QHCT các Quận, Huyện theo đồ án QHC được duyệt năm 1996, đến nay đã có nhiều yếu tố tác động như QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội, Luật Quy hoạch đô thị,... cần phải nghiên cứu điều chỉnh. Việc nghiên cứu quy hoạch phân khu đô thị H2-2 nhằm cụ thể hóa QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội tại Văn bản số 6609/UBND-XD ngày 09/08/2011 là cần thiết, làm cơ sở phục vụ công tác quản lý xây dựng đô thị; Triển khai thực hiện các chủ trương đầu tư xây dựng, lập quy hoạch chi tiết; Hướng dẫn giải quyết các dự án, đồ án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa các định hướng của quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện quy hoạch hiện trạng theo các quy hoạch chi tiết quận, huyện đã được duyệt trên cơ sở quy hoạch chung Thành phố Hà Nội năm 1998.

- Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phát triển bền vững trên cơ sở quy hoạch chung, kế thừa chọn lọc quy hoạch quận, huyện, quy hoạch chi tiết các khu chức năng đã được phê duyệt.

- Làm cơ sở tổ chức lập các quy hoạch chi tiết; đề xuất danh mục các chương trình đầu tư và dự án chiến lược; kiểm soát phát triển và quản lý đô thị; điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với các định hướng của QHCHN2030.

- Phát triển đô thị hiện đại bền vững gắn với việc bảo tồn tôn tạo các giá trị di sản truyền thống của địa phương. Phát huy được các yếu tố thuận lợi, tiềm năng phát triển của khu vực, tạo được nét đặc trưng riêng. Tổ chức đồng bộ hệ thống các trung tâm, các khu nhà ở gắn với các dịch vụ hạ tầng hiện đại theo mô hình đa chức năng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Quy hoạch xây dựng mới gắn với việc cải tạo nâng cấp các khu vực hiện có, khớp nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc nâng cao điều kiện môi trường sống, cảnh quan chung. Tạo lập hình ảnh không gian kiến trúc đô thị hiện đại, văn minh, mang đậm bản sắc dân tộc, đánh dấu một thời kỳ phát triển mới.

- Dự báo dân số theo quy hoạch.

- Rà soát bổ sung hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Đề xuất chuyên đổi chức năng sử dụng đất các khu vực không phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể. Khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng, nâng cao vai trò và phát huy được các tiềm năng của khu vực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của khu vực và Thủ đô.

- Xác định hệ thống các khu chức năng, tổ chức không gian, cấu trúc đô thị trong khu vực lập quy hoạch phân khu, đảm bảo phát triển ổn định, bền vững.

- Làm cơ sở tổ chức lập các quy hoạch chi tiết; Đề xuất danh mục các chương trình đầu tư và dự án chiến lược; Kiểm soát phát triển và quản lý đô thị; Hướng dẫn, giải quyết, khớp nối các dự án đầu tư xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Các căn cứ lập quy hoạch:

2.1. Các văn bản pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị;

- Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị (Nghị định 37);

- Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị (Nghị định 38);

- Nghị định 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị (Nghị định 39);

- Thông tư 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị (Thông tư 10);

- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

- Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ đồ án quy hoạch đô thị (Quyết định 21);

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn, quy phạm về quy hoạch xây dựng;

- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Thông báo số 202/TB-VPCP ngày 17/9/2010 về ý kiến của Thủ tướng tại cuộc họp thường trực Ủy ban về việc xây dựng công trình cao tầng trong 4 quận nội thành Thủ đô Hà Nội.

- Quyết định số 32/2000/QĐ-UB ngày 03/04/2000 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết quận Đống Đa, tỷ lệ 1/2000;

- Quyết định số 43/1999/QĐ-UB ngày 29/5/1999 và Quyết định số 57/2003/QĐ-UB ngày 12/5/2003 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết quận Cầu Giấy, tỷ lệ 1/2000;

- Quyết định số 112/1999/QĐ-UB ngày 28/12/1999 và Quyết định số 175/2004/QĐ-UB ngày 26/11/2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết quận Thanh Xuân, tỷ lệ 1/2000;

- Quyết định số 14/2000/QĐ-UB ngày 14/2/2000 và quyết định số 61/2003/QĐ-UB ngày 13/5/2003 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Huyện Từ Liêm, tỷ lệ 1/5000;

- Quyết định số 1782/QĐ-UB ngày 21/01/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hà Đông, tỷ lệ 1/5000;

- Công văn số 6609/UBND-XD ngày 09/8/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội.

- Công văn số /UBND ngày .../.../2012 của UBND quận Đống Đa về việc Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị H2-2, tỷ lệ 1/2000.

- Công văn số /UBND ngày .../.../2012 của UBND quận Thanh Xuân về việc Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị H2-2, tỷ lệ 1/2000.

- Công văn số 223/UBND-QLĐT ngày 04/4/2012 của UBND quận Cầu Giấy về việc tham gia ý kiến Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị H2-1 và H2-2, tỷ lệ 1/2000.

- Công văn số 2136/ UBND-QLĐT ngày 07/12/2011 của UBND quận Hà Đông về việc góp ý kiến về Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị H2-2 và H2-3 tỷ lệ 1/2000.

- Công văn số /UBND ngày .../.../2012 của UBND huyện Từ Liêm về việc Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị H2-2, tỷ lệ 1/2000.

2.2. Nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ:

- Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, được trích lục về các nội dung, yêu cầu: ranh giới, quy mô diện tích, dân số, chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, cùng các nguyên tắc kiểm soát phát triển phân khu đô thị.

- Hồ sơ quy hoạch chung thành phố Hà Đông, tỷ lệ 1/5000.

- Hồ sơ quy hoạch chi tiết quận Đống Đa, Cầu Giấy, Thanh Xuân, tỷ lệ 1/2000; huyện Từ Liêm, tỷ lệ 1/5000.

- Các đồ án, dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Bản đồ đo đạc hiện trạng, tỷ lệ 1/2000.
- Niên giám thống kê năm 2010-TP Hà Nội.

3. Nội dung nghiên cứu quy hoạch:

3.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Phân khu đô thị ký hiệu H2-2 thuộc địa giới hành chính các quận Đống Đa; quận Cầu Giấy; quận Thanh Xuân; quận Hà Đông; huyện Từ Liêm – Hà Nội.
- Phân khu đô thị H2-2 có phạm vi ranh giới như sau:
 - + Phía Bắc giáp phân khu H2-1 (đường Cầu Giấy, Xuân Thủy, Hồ Tùng Mậu).
 - + Phía Đông Nam giáp phân khu H2-3(đường Nguyễn Trãi).
 - + Phía Đông giáp phân khu H1-3.
 - + Phía Tây giáp phân khu GS.

3.2. Quy mô nghiên cứu quy hoạch:

- Tổng diện tích khu vực nghiên cứu QHPK khoảng: 2630ha.
 - Quy mô đo đạc khoảng: 2865ha (bao gồm cả phần đo đạc mở rộng)
 - Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng: 207 nghìn người.
 - Quy mô dân số đến năm 2050 khoảng: 240 nghìn người.
- (Ranh giới, diện tích, dân số sẽ được xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch phân khu).

3.3. Tính chất và chức năng khu vực:

- Là khu vực đô thị cải tạo và nâng cấp.
- Chuyển đổi các khu vực sản xuất công nghiệp, kho tàng, nghiên cứu nâng cấp hệ thống hạ tầng KT đô thị, hạ tầng xã hội, tiện ích đô thị.
- Tạo lập không gian đô thị mới hiện đại của Thủ đô, ưu tiên xây dựng các công trình quy mô lớn của Thủ đô; Phát triển mới các quần thể kiến trúc cao tầng quy mô lớn đa chức năng dịch vụ, thương mại, tài chính, văn hóa, giải trí, du lịch, TDTT chất lượng cao; Thiết lập các trục không gian đô thị hiện đại trên các đường Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Phong Sắc, Xuân Thủy, Lê Văn Lương...
- Xây dựng các khu nhà ở mới cao tầng đồng bộ và hiện đại, đáp ứng nhu cầu nhà ở và dẫn dân từ khu vực nội đô lịch sử.
- Xây dựng mới các trung tâm dịch vụ đô thị để giảm tải áp lực về hạ tầng xã hội cho khu vực nội đô.
- Tạo nhiều công viên, không gian mở và các kết nối xanh từ vành đai xanh sông Nhuệ đến các trung tâm công cộng và các khu dân cư.
- Dành quỹ đất xây dựng khu tập trung trụ sở cơ quan làm việc các Bộ ngành Trung ương tại Mễ Trì.

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản:

a. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| + Đất đơn vị ở: | 30-40 m ² đất/người |
| + Đất công trình công cộng: | ≥ 5 m ² đất/người |
| + Đất cây xanh, TDTT: | ≥ 7 m ² đất/người |

Đất giao thông và giao thông tỉnh (đến đường khu vực): ≥ 13 % đất XD đô thị

b. Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội: Tuân thủ Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

c. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Mật độ mạng lưới đường: $\geq 6,5$ km/km² (tính đến đường khu vực, với khoảng cách giữa hai đường từ 250-300m)
Chỉ tiêu BDX thực hiện theo quyết định số 165/2003/QĐ-UB ngày 02/12/2003
- Diện tích hồ điều hoà: ≥ 5 % (đất xây dựng đô thị)
- Dung nước sinh hoạt: ≥ 200 Lít/người-ngày,đêm
- Cấp điện sinh hoạt $\geq 0,8$ KW/người
- Thông tin liên lạc 77,4 máy/100 dân
- Nước thải sinh hoạt: Bằng chỉ tiêu cấp nước
- Chất thải rắn sinh hoạt 1,3 Kg//người-ngày.

3.5. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản của quy hoạch:

a. Các yêu cầu về nội dung chính cần phải nghiên cứu:

- Phân tích đánh giá nhận dạng đặc điểm tự nhiên, hiện trạng theo phương pháp SWOT (thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức), trên cơ sở số liệu thống kê tổng hợp và các số liệu thu thập về: dân cư; sử dụng đất (xác định bởi đường phân khu vực); hạ tầng xã hội; kiến trúc cảnh quan; hạ tầng kỹ thuật và các quy định của quy hoạch chung có liên quan đến khu vực quy hoạch và các đồ án, dự án xây dựng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho phân khu đô thị: quy mô dân số; diện tích và tiêu chuẩn đối với các chức năng sử dụng đất; chỉ tiêu sử dụng đất, các chỉ tiêu khống chế về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao tối thiểu, tối đa cho phân khu đô thị...

- Xác định các nguyên tắc phân bố, giải pháp, ranh giới quy hoạch đối với từng khu chức năng trên cơ sở định hướng quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và điều kiện tự nhiên, hiện trạng; thể hiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về diện tích, quy mô dân số, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao tối thiểu, tối đa đối với từng ô phố (xác định bởi đường phân khu vực); vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có); xác định hoặc quy định khoảng lùi công trình đối với các trục đường.

- Xác định nguyên tắc, yêu cầu và tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu chức năng, trục đường chính, khu vực không gian mở, khu vực điểm nhấn, các khu vực trọng tâm, khu trung tâm,...

- Xác định nguyên tắc, yêu cầu và tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm:

+ Giao thông: Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt ngang đường; chỉ giới đường đỏ và quy định chỉ giới xây dựng. Cụ thể hóa quy hoạch chung

về vị trí, quy mô bên, bãi đỗ xe (trên cao, mặt đất, ngầm); tuyến và ga tàu điện ngầm (nếu có).

+ Chuẩn bị kỹ thuật, TNM: Lựa chọn và xác định cao độ xây dựng phù hợp với quy hoạch chung; các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật; thiết kế san nền (đường đồng mức thiết kế) và tính toán khối lượng đào đắp, thiết kế hệ thống thoát nước mưa.

+ Cấp nước: Xác định nhu cầu dùng nước và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật.

+ Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn (nếu có), nhà tang lễ.

+ Cấp điện: Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, các trạm hạ thế và hệ thống chiếu sáng đô thị.

+ Thông tin liên lạc: Xác định nhu cầu và mạng lưới.

- Xác định chương trình đầu tư ưu tiên, dự án chiến lược.

- Đánh giá tác động môi trường chiến lược: đánh giá hiện trạng môi trường, về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn,...; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên; phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường. Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch; đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

b. Các yêu cầu về nội dung dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu:

- Quy định chung: Xác định đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện; Ranh giới, quy mô diện tích, tính chất, dân số khu vực lập quy hoạch; quy định chung về hạ tầng xã hội (các quy định cần làm rõ nội dung cấm, hạn chế, khuyến khích phát triển); các quy định chủ yếu về kết nối giữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị; các quy định chủ yếu về kiểm soát và bảo vệ môi trường đô thị đối với hệ sinh thái tự nhiên (sông, hồ, rừng, cây xanh, núi...), địa hình cảnh quan, nguồn nước, không khí, tiếng ồn....

- Quy định cụ thể về: Ranh giới, quy mô diện tích, quy định về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị (mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa và tối thiểu của công trình), nguyên tắc kiểm soát phát triển, quản lý về không gian, kiến trúc; yêu cầu hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng ô phố, từng khu chức năng trong khu vực quy hoạch (khu ở; khu hành chính, công trình công cộng; khu thương mại; khu giáo dục, đào tạo; khu dịch vụ y tế; khu công viên, cây xanh; trục không gian, quảng trường, không gian mở; khu làng xóm; khu danh lam thắng cảnh; khu du lịch; khu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, công trình đặc biệt; khu bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang; khu địa hình cảnh quan đặc thù); quy định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng và các yêu cầu cụ thể

về kỹ thuật đối với từng tuyến đường; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình ngầm (nếu có); quy định về nguyên tắc tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn, công viên cây xanh.

- Tổ chức thực hiện: Các quy định về tính pháp lý, kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch phân khu (lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị).

4. Hồ sơ sản phẩm và dự toán kinh phí:

4.1. Hồ sơ sản phẩm:

Hồ sơ sản phẩm quy hoạch được lập trên cơ sở tuân thủ - Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Thông tư 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng; Mức độ, quy cách, nội dung thể hiện hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000. Hệ thống ký hiệu bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu thực hiện theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

a. Mức độ thể hiện: Tỷ lệ 1/2000, đến Quy mô nhóm nhà ở; đường Phân khu vực.

b. Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất.	QH-01	1/5000
2	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng.	QH-02	1/2000
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính và bảo vệ môi trường.	QH-03	1/2000
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. (*)	QH-04	1/2000
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. (**)	QH-05	1/2000
6	Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các công trình HTKT.	QH-06	1/2000
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống HTKT:	QH-07	1/2000
7.1	<i>Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật.</i>	QH-07A	1/2000
7.2	<i>Bản đồ quy hoạch cấp nước.</i>	QH-07B	1/2000
7.3	<i>Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và quản lý CTR.</i>	QH-07C	1/2000
7.4	<i>Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng công cộng đô thị.</i>	QH-07D	1/2000
7.5	<i>Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc.</i>	QH-07E	1/2000
8	Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật.	QH-08	
9	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược .	QH09	1/2000
10	Thuyết minh tổng hợp, tóm tắt; dự thảo tờ trình, quyết định phê duyệt, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.		

* Nội dung thiết kế đô thị được thể hiện trong sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị.

** Nội dung công trình ngầm được thể hiện trong bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.

4.2. Dự toán kinh phí:

Kinh phí đo đạc và lập quy hoạch được thực hiện theo các quy định hiện hành:

- Kinh phí lập quy hoạch được thực hiện theo Thông tư 17/2010/TT-BXD ngày 30/09/2010 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Kinh phí đo đạc theo dự toán được cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

5. Tiến độ thực hiện:

- Thực hiện từ khi có đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định gồm: các văn bản giấy tờ có liên quan, bản đồ đo đạc hiện trạng đủ điều kiện tỷ lệ 1/2000 và nhiệm vụ quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thời gian hoàn thành: theo yêu cầu quản lý của Thành phố Hà Nội (tối đa 9 tháng).

6. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND Thành phố Hà Nội.

- Cơ quan lập NVQH, QHPK: Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội.

- Cơ quan thẩm định và trình duyệt: Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội.

- Cơ quan phê duyệt NVQH và Đồ án QHPK: UBND Thành phố Hà Nội.

**CƠ QUAN LẬP NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG HÀ NỘI
K/T. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Bùi Xuân Tùng

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH, TRÌNH DUYỆT
SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

Xác nhận nội dung Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu đô thị H2-2, tỷ lệ 1/2000

Kèm theo Tờ trình số:...../TTr-QHKT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**